TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-4-2025
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Tâm.

2. Ông Mai Thanh Tùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Lường Khánh Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá *tham gia phiên tòa*: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 32/2025/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Vũ Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Q và anh Nguyễn Quang V được tự do tìm hiểu, đã tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống giữa chị Q và anh V có nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, chị Q và anh V đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn không khắc phục được. Chị Q, anh V đã sống ly thân từ tháng 9/2024 đến nay. Chị Q xác định mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị xin ly hôn với anh V

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Quang V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang V và chị Vũ Thị Q được tự do tìm hiểu, đã tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2019 tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Anh V, chị Q chung sống hòa thuận đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống và cách quản lý kinh tế. Chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Q xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa chị Vũ Thị Q và anh Nguyễn Quang V đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn"* của chị Vũ Thị Q: Xử cho chị Vũ Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Quang V.

- Về con chung, tài sản và nợ chung chị Vũ Thị Q và anh Nguyễn Quang V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không đề nghị xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Vũ Thị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Quang V; Anh Nguyễn Quang V có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã N, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì

đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn cùng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Q và anh Nguyễn Quang V có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2019 tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tại xã N, huyện C cho thấy: Anh Nguyễn Quang V kết hôn với chị Vũ Thị Q và cùng chung sống tại thôn H, xã N, huyện C, hiện nay anh V, chị Q không có mặt tại địa phương.

Tại bản tự khai của chị Vũ Thị Q và biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Quang V đều xác định tình cảm vợ chồng đối với nhau không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị Q, anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Q, xử cho chị Vũ Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Quang V.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Vũ Thị Q và anh Nguyễn Quang V xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn"* của chị Vũ Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Q được ly hôn với anh Nguyễn Quang V (Giấy chứng nhận kết hôn số 15 của UBND phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, ngày 26/02/2019).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Vũ Thị Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị Q đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002982124 ngày 18/02/2025 của Đơn vị trung gian thanh toán Công ty cổ phần T1 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000778, ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa nay được trừ vào tiền án phí. Chị Vũ Thị Q đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Quang V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Q và anh Nguyễn Quang V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND phường Lê Lợi (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Tâm Mai Thanh T **Đào Thị Bích N**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND phường Lê Lợi (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc